|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 408/TTr-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024* |

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT**

**Dự án Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)**

Kính gửi:

- Quốc hội;

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Chính phủ xin báo cáo tóm tắt nội dung về dự án Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (sửa đổi)như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THUẾ TNDN (SỬA ĐỔI)**

**1.** Thể chế hóa chủ trương, đường lối về cải cách hệ thống chính sách thuế nói chung, chính sách thuế TNDN nói riêng đã được nêu tại các văn bản của Đảng, Nhà nước.

**2.** Đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn và các yêu cầu phát triển mới của nền kinh tế, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**3.** Đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế về thuế.

**II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Ngày 08/6/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Theo đó, Luật thuế TNDN (sửa đổi) đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Chính phủ đã xây dựng hồ sơ dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) theo đúng quy trình, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời, lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT THUẾ TNDN (SỬA ĐỔI)**

**1. Bố cục**

Dự thảo Luật thuế TNDN (sửa đổi) gồm 04 Chương, 20 Điều, cụ thể như sau: Chương I. Những quy định chung, gồm 05 Điều (từ Điều 1 đến Điều 5); Chương II. Căn cứ và phương pháp tính thuế, gồm 06 Điều (từ Điều 6 đến Điều 11); Chương III. Ưu đãi thuế TNDN, gồm 07 Điều (từ Điều 12 đến Điều 18); Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 19 và Điều 20).

**2. Nội dung cơ bản**

Dự thảo Luật đã bám sát theo các nhóm chính sách[[1]](#footnote-1) tại hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) đã được Quốc hội đồng ý, đồng thời, dự thảo Luật đã luật hóa một số nội dung đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

Đối với việc luật hóa nội dung quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 về áp dụng thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, qua nghiên cứu, rà soát cho thấy mặc dù Nghị quyết số 107/2023/QH15 có hiệu lực từ kỳ tính thuế năm 2024 song việc kê khai, nộp thuế TNDN bổ sung có thời hạn từ 12 - 18 tháng sau khi kết thúc năm tài chính 2024. Theo đó, trên thực tế, tới năm 2026 doanh nghiệp mới đến thời hạn áp dụng quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 và chưa thể đánh giá được hiệu quả và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực hiện. Do vậy, tại dự thảo Luật chưa bổ sung nội dung luật hóa các quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 nêu trên để đảm bảo nguyên tắc, quan điểm xây dựng Luật là *“Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm là phù hợp, bao gồm cả những nội dung đã được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật”*.

**2.1. Về người nộp thuế và thu nhập chịu thuế TNDN**

**a) Về người nộp thuế**

- Quy định chi tiết về các đối tượng người nộp thuế là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

- Quy định rõ thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam đối với doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.

- Bổ sung quy định việc tuân thủ điều ước quốc tế trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định khác về cơ sở thường trú nhằm phù hợp với Luật điều ước quốc tế cũng như việc thực hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia các điều ước quốc tế có liên quan.

**b) Về thu nhập chịu thuế**

- Quy định chi tiết các khoản thu nhập khác để bao quát các trường hợp đã được quy định cụ thể tại Luật thuế TNDN hiện hành và các văn bản dưới Luật.

- Bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam và của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam là thu nhập có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm kinh doanh và chi tiết cụ thể các nguồn thu nhập của nhóm đối tượng này để đảm bảo tính minh bạch, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện.

- Sửa đổi quy định về việc nộp thuế đối với khoản thu nhập của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài theo hướng doanh nghiệp thực hiện nộp thuế ngay trong kỳ tính thuế phát sinh khoản thu nhập này thay cho việc nộp thuế tại thời điểm chuyển khoản thu nhập về Việt Nam. Đồng thời, luật hóa quy định về áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, về xác định số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ và mức thuế suất áp dụng đối với khoản thu nhập này đã được hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật.

**2.2. Về thu nhập được miễn thuế**

- Sửa đổi, bổ sung nội dung, tiêu chí và điều kiện cụ thể đối với một số khoản thu nhập được miễn thuế trên cơ sở luật hóa các quy định đã được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

- Bổ sung quy định liên quan đến phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn thuế để quy định trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể mức tỷ lệ của phần thu nhập không chia trên thu nhập tính thuế của cơ sở thực hiện xã hội hóa thì mức tỷ lệ tối thiểu là 25% thu nhập tính thuế; đồng thời, bổ sung đối tượng là liên hiệp hợp tác xã cho phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023.

- Bổ sung thêm một số khoản thu nhập được miễn thuế gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành, thu nhập từ tiền lãi và từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành; Khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước và từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập; khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật;Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Thu nhập từ hoạt động có thu của Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh, Quỹ hỗ trợ đầu tư.

**2.3. Về kỳ tính thuế và phương pháp tính thuế**

**a) Về kỳ tính thuế**

- Luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật về việc doanh nghiệp được lựa chọn kỳ tính thuế theo năm dương lịch hoặc năm tài chính nhưng phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện.

- Bổ sung quy định đối với doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh thì kỳ tính thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

**b) Về xác định thu nhập tính thuế**

- Bổ sung quy định cụ thể về xác định thu nhập tính thuế, thu nhập chịu thuế để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập tính thuế để cho phép doanh nghiệp được bù trừ lãi từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư với lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế.

**c) Về doanh thu tính thuế TNDN**

- Bổ sung quy định chi tiết về nguyên tắc xác định doanh thu và thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN trên cơ sở luật hóa quy định tại các văn bản dưới Luật đã được thực hiện ổn định trong thời gian qua.

- Quy định cụ thể các trường hợp đặc thù hiện đang được hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật để giao Chính phủ quy định chi tiết việc xác định doanh thu tính thuế TNDN.

**d) Về phương pháp tính thuế**

- Luật hóa quy định về phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đã được quy định tại các văn bản dưới Luật đối với các đối tượng là: doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại Việt Nam; tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập.

- Bổ sung quy định áp dụng phương pháp tính thuế đơn giản theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, khuyến khích cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, qua đó, góp phần thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân và quy định mức thu cụ thể.

**2.4. Về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN**

**a) Về chi phí được trừ**

- Sửa đổi, bổ sung quy định về khoản chi phí được tính vào chi phí được trừ trên cơ sở luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật và có rà soát, bổ sung để đồng bộ với quy định của các Luật mới được ban hành (như Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024).

- Sửa đổi quy định không phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng của Luật hiện hành thành giao Chính phủ quy định một số trường hợp đặc thù không phải đáp ứng điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời, giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục đối với các trường hợp đặc thù này để đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.

**b) Về chi phí không được trừ**

- Sửa đổi, bổ sung quy định để luật hóa một số khoản chi phí không được trừ đang được quy định tại các văn bản dưới Luật có thời gian thực hiện cho thấy tính hiệu quả, ổn định; đồng thời, rà soát lại một số câu chữ đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

- Bổ sung quy định không được trừ đối với các khoản chi cho các hoạt động không phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Sửa đổi quy định về việc không được tính vào chi phí được trừ phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế, cụ thể sửa đổi cụm từ *“vượt quá**150%**mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay”* **thành** *“vượt mức quy định tại Bộ luật Dân sự”* để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Bộ luật Dân sự và Luật Tổ chức tín dụng.

- Bổ sung quy định để loại trừ khoản tài trợ cho văn hóa, khoản chi cho phòng, chống dịch bệnh ra khỏi nhóm chi tài trợ không được tính vào chi phí được trừ.

- Sửa đổi quy định để giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể về mức khống chế chi phí được trừ đối với phần trích nộp các quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội và mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động để minh bạch, thuận lợi trong thực hiện.

- Chi tiết thêm hoạt động kinh doanh đặc thù đối với hợp đồng đầu tư BT, BOT, BTO để phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.

- Bỏ quy định các khoản chi bằng ngoại tệ khi xác định thu nhập chịu thuế phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh khoản chi bằng ngoại tệ tại khoản 3 Điều 9 Luật hiện hành để thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

**2.5. Về thuế suất thuế TNDN**

- Bổ sung quy định về mức thuế suất đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và tiêu chí áp dụng để thúc đẩy sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp này.

- Sửa đổi mức thuế suất tối thiểu của khung thuế suất đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí “*từ 32% đến 50*%” **thành** *“từ 25% đến 50%” và do “Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng hợp đồng dầu khí”* để thống nhất với Luật Dầu khí; đồng thời, bổ sung quy định chi tiết về mức thuế suất đối với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản quý hiếm trên cơ sở luật hóa quy định tại các văn bản dưới Luật đang thực hiện ổn định, không vướng mắc để đảm bảo sự minh bạch, ổn định của chính sách.

**2.6. Về nơi nộp thuế**

Bỏ quy định tại Điều 12 về nơi nộp thuế TNDN của Luật thuế TNDN hiện hành do nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh cũng như đã được quy định tại Luật Quản lý thuế để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**2.7. Về ưu đãi thuế TNDN**

**a) Về nguyên tắc áp dụng ưu đãi và các nội dung liên quan khác**

- Quy định cụ thể các nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế TNDN căn cứ theo ngành, nghề ưu đãi, địa bàn ưu đãi theo quy định của Luật này và quy định trường hợp các luật khác có quy định về ưu đãi thuế TNDN khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này, qua đó, đảm bảo tính thống nhất trong thực thi pháp luật, tránh việc quy định ưu đãi dàn trải tại các văn bản Luật chuyên ngành khác.

- Quy định rõ và chi tiết hơn đối tượng ưu đãi thuế TNDN (ngành, nghề, địa bàn và các hoạt động được ưu đãi) trên cơ sở cơ bản kế thừa lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn và hoạt động được ưu đãi thuế theo quy định hiện hành, bao gồm cả những nội dung quy định tại một số Luật đã được Quốc hội ban hành gần đây, những nội dung đã được quy định tại các văn bản dưới Luật nhưng có rà soát, sắp xếp, hợp lý hóa để tránh trùng lắp, đảm bảo phát huy hiệu quả, tính khả thi, minh bạch trong thực hiện, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển, góp phần mở rộng cơ sở thuế, cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bền vững.

- Bổ sung quy định đối với trường hợp khoản thu nhập của doanh nghiệp đáp ứng nhiều điều kiện ưu đãi thuế khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng theo điều kiện có lợi nhất và thực hiện ổn định trong toàn bộ thời gian hưởng ưu đãi.

- Bổ sung quy định về áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn để luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật, qua đó, đảm bảo sự ổn định, minh bạch của chính sách.

- Bổ sung quy định trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mà không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN trước thời điểm Luật thuế TNDN (sửa đổi) có hiệu lực nhưng thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN (sửa đổi) thì được áp dụng ưu đãi theo quy định của Luật này cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2026 (thời điểm dự kiến có hiệu lực của Luật).

- Bổ sung quy định thu nhập được ưu đãi thuế trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp tại Luật này bao gồm cả thu nhập từ thanh lý tài sản dự án là sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và thu nhập từ việc bán phế liệu, phế phẩm là sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp vào dự thảo Luật để luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định, không vướng mắc tại các văn bản dưới Luật.

- Bổ sung quy định về việc xác định mức ưu đãi thuế đối với trường hợp trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư của doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế dưới 12 tháng để luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

- Bổ sung quy định về việc kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi liên quan đến ưu đãi thuế trong trường hợp doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

**b) Về mức thuế suất ưu đãi và thời gian áp dụng ưu đãi**

- Sửa đổi, bổ sung quy định việc áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn 15 năm đối với dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Đồng thời, giao Chính phủ xác định ưu đãi thuế cho trường hợp vị trí thực hiện dự án nằm trên cả địa bàn được áp dụng ưu đãi thuế TNDN và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi thuế để đáp ứng các yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.

- Bổ sung quy định áp dụng thuế suất ưu đãi 15% đối với thu nhập của các cơ quan báo chí từ các hoạt động báo chí khác ngoài báo in. Riêng báo in tiếp tục áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% như quy định hiện hành.

- Bổ sung quy định áp dụng mức thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm đối với: dự án đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;dự án đầu tư tại khu kinh tế nhưng không nằm trên địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

- Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về tiêu chí đối với những trường hợp được xem xét kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi trên cơ sở luật hóa các quy định đã được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

- Bổ sung quy định về áp dụng thuế suất ưu đãi cho các dự án thuộc đối tượng ưu đãi đặc biệt đã được quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đối với một số trường hợp cho phù hợp với thực tiễn, bao gồm doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để khắc phục các bất cập, vướng mắc từ thực tiễn thực hiện Luật thuế TNDN trong giai đoạn vừa qua.

**c) Về thời gian miễn, giảm thuế TNDN**

- Bổ sung quy định: dự án đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời quy định dự án đầu tư tại khu kinh tế nhưng không nằm trên địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn được miễn thuế tối đa 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 04 năm tiếp theo.

- Bổ sung quy định về áp dụng thời gian miễn, giảm thuế cho trường hợp ưu đãi đầu tư đặc biệt theo mức quy định tại Luật Đầu tư năm 2020.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian bắt đầu tính miễn, giảm thuế đối với các trường hợp: doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Bổ sung quy định về áp dụng ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng cho phù hợp với tình hình thực tiễn; đồng thời sửa đổi tiêu chí về mức nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đối với dự án đầu tư mở rộng (hiện hành là 20 tỷ đối với dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc 10 tỷ đối với dự án tại địa bàn ưu đãi đầu tư) thành giao Chính phủ quy định cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong từng giai đoạn. Các tiêu chí còn lại giữ như quy định hiện hành.

**d) Về các trường hợp miễn, giảm thuế khác**

- Bổ sung các quy định về điều kiện để được giảm thuế, mức giảm thuế đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số trên cơ sở luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

- Bổ sung quy định về việc giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn để thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khu vực sự nghiệp công.

- Bổ sung quy định về việc áp dụng miễn thuế 02 năm đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh để thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khu vực kinh tế tư nhân; đồng thời, quy định cụ thể về điều kiện để được miễn thuế, mức thuế suất áp dụng sau thời gian được hưởng ưu đãi để đảm bảo việc miễn thuế được thực hiện chặt chẽ, đúng đối tượng.

**đ) Về chuyển lỗ**

- Sửa đổi quy định: *“Thời gian được chuyển lỗ không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ*” **thành** “*Thời gian được chuyển lỗ* ***tính liên tục*** *không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ”*.

- Sửa đổi quy định về chuyển lỗ để đồng bộ với nội dung đề xuất cho phép doanh nghiệp được bù trừ lãi từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng dự án thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản và chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản) với lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**e) Về trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

- Sửa đổi, bổ sung quy định về lãi suất áp dụng đối với phần trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết là lãi suất trái phiếu kho bạc bằng đồng Việt Nam loại kỳ hạn 05 năm hoặc 10 năm (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) phát hành gần thời điểm thu hồi nhất cho phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Bổ sung quy định về việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp trên cơ sở luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật.

**g) Về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN**

- Bổ sung thêm tiêu chí phân bổ theo chi phí đối với trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế.

- Bổ sung các quy định về việc loại trừ ưu đãi đối với thu nhập từ chế biến tài nguyên khoáng sản, dự án sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, tàu bay, du thuyền, lọc hóa dầu)để đảm bảo chính sách ưu đãi thuế được thực hiện có chọn lọc, hướng đến các ngành, lĩnh vực cần ưu tiên phát triển cũng như tính đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư năm 2020.

Trên đây là nội dung tóm tắt dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi). Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội;  - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, PL. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**  **(Đã ký)**  **Hồ Đức Phớc** |

1. (1) Hoàn thiện quy định liên quan đến người nộp thuế và thu nhập chịu thuế TNDN; (2) Hoàn thiện quy định về các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN; (3) Hoàn thiện quy định liên quan đến việc xác định thu nhập tính thuế TNDN và phương pháp tính thuế; (4) Hoàn thiện quy định về việc xác định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN; (5) Điều chỉnh thuế suất thuế TNDN đối với một số nhóm đối tượng cho phù hợp với các yêu cầu và bối cảnh mới; (6) Hoàn thiện các quy định về ưu đãi thuế TNDN. [↑](#footnote-ref-1)